TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NP** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2020/HS-ST Ngày 20 - 01 - 2020	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vàng Thị Dua.

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Vàng A Hý và ông Thùng Văn Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện NP.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Lê Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 13/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2020/QĐXXST-HS ngày 03/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 14/01/2020 đối với bị cáo:

Vàng A T; Sinh năm 1988 tại huyện Y, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản Đ, xã NK, huyện NP, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng A S, sinh năm 1961 và con bà: T Thị M, sinh năm 1962 ; Bị cáo có vợ là Ngải Thị U, sinh năm 1989 và có 03 con; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 12/12/2019; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Ngày 20/3/2019 bị khởi tố về hành vi phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho tới nay, có mặt.

- ***Bị hại:*** 41 hộ dân của bản HL 3, xã N, huyện NP

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vàng A L, sinh năm: 1982 là trưởng bản HL 3, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Vàng A P**; Sinh năm 1996 ; Nghề nghiệp: Công chức; Nơi cư trú: Bản NC 1, xã N huyện NP, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Anh **Lê Mạnh C**; Sinh năm 1986 ; Nghề nghiệp: Công chức; Nơi cư trú: Bản N 3, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị **Lò Thị A**; Sinh năm:1986; Nghề nghiệp: Công chức

Địa chỉ: Bản NH 1, xã NH, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

2. Anh **Giàng A D**: Sinh năm: 1984; Nghề nghiệp: Công chức

Địa chỉ: Bản N 1, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

3. Anh **Lý A I**; Sinh năm: 1993; Nghề nghiệp: Công chức

Địa chỉ: Bản N 3, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

4. Anh **Sùng A D**; Sinh năm 1975 (Trưởng bản N 1)

Địa chỉ: Bản N 1, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

5. Anh **Lý Hồng C**; Sinh năm:1978 (Trưởng bản HL 2);

Địa chỉ: Bản HL 2, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

6. Anh **Tráng A V**; Sinh năm:1982; (Bí thư chi bộ bản NC 3);

Địa chỉ: Bản NC 3, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên

7. Anh **Sùng A B**; Sinh năm:1984; (Trưởng bản NC 1)

Địa chỉ: Bản NC 1, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

8. Ông **Vàng A S**; Sinh năm:1989; (Trưởng bản Nậm N 3)

Địa chỉ: Bản N 3, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

9. Anh **Vàng A H**; Sinh năm:1980; (Công an viên bản NC 1)

Địa chỉ: Bản NC 1, xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

10. Anh **Lò Văn L**; Sinh năm 1987;

Địa chỉ: Bản T 2, xã S, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa có mặt Lò Thị A là người làm chứng, những người làm chứng khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP nhận được đơn kiến nghị của nhân dân bản HL 3, xã N, huyện NP về việc từ quý IV năm 2016 đến hết năm 2018 các hộ nghèo, hộ chính sách của bản HL 3, xã N không nhận được tiền hỗ trợ tiền điện như các hộ dân khác trên địa bàn xã N, huyện NP đề nghị điều tra xác minh làm rõ vụ việc, xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2019 nhân dân bản HL 3, xã N, huyện NP tiếp tục có đơn kiến nghị gửi các cơ quan chức năng làm rõ hành vi giả mạo chữ ký trong hồ sơ cấp phát tiền điện và chậm giải quyết đơn kiến nghị ngày 25/12/2018.

Qua điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP đã xác định:

Thực hiện Quyết định của UBND huyện NP, từ quý III năm 2016 đến hết năm 2018 Ủy ban nhân dân xã N đã thực hiện 04 lần rút tiền hỗ trợ tiền điện để chi trả cho các hộ nghèo và hộ chính xã hội của xã N. Tại thời điểm có đơn kiến nghị của nhân dân bản Huôi Lụ 3, xã N Ủy ban nhân dân xã N mới rút tiền hỗ trợ tiền điện của quý III năm 2016 và quý I, II năm 2017 là nguồn tiền hỗ trợ tiền điện từ Kho bạc Nhà nước huyện NP với số tiền là 208.593.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) ngày 29/12/2017. Sau khi rút thủ quỹ Vàng A P chuyển số tiền trên nhập vào két của Ủy ban nhân dân xã N. Trong năm 2018, do không cân đối được nguồn tài chính của đơn vị dẫn đến việc dự nợ nhiều khoản chi không được thanh quyết toán. Vàng A T đã chỉ đạo việc sử dụng nguồn tiền điện được cấp cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội tại xã để chi trả, bổ sung vào những khoản không được thanh toán sai mục đích. Cụ thể: Chiều ngày 29/12/2017 Vàng A T tạm ứng số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), ngày 03/01/2018 T ứng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ngày 07/01/2018 T ứng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ngày 16/4/2018 T tiếp tục ứng 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng). Tổng cộng T tạm ứng 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng). Vàng A T sử dụng số tiền ứng từ nguồn tiền được cấp cho nhân dân để chi trả vào các mục không nằm trong diện được quyết toán của Ủy ban nhân dân xã N như chi trả tiền làm nhà bếp tập thể Ủy ban nhân dân xã, tiền tiếp khách, tiền chúc tết và một số khoản chi khác.

Ngày 29/12/2017 Lê Mạnh C là kế toán của xã đề xuất xin tạm ứng số tiền 6.050.000 đồng để chi trả nợ chi phí tổ chức sơ kết sáu tháng đầu năm 2017 cho các đoàn thể xã N. Ngày 19/3/2018 Giàng A D, công chức văn hóa xã N đề xuất với T cho tạm ứng tiền chi phí đưa đoàn của xã N đi biểu diễn văn nghệ, T chỉ đạo P cho D tạm ứng từ nguồn tiền hỗ trợ tiền điện số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 24/8/2018 Giàng A D đề xuất với T cho D tạm ứng tiền chi phí đưa đoàn của xã tham dự giải bóng truyền Công - Nông - Binh huyện lần thứ 4 năm 2018, T đồng ý và bảo P cho D ứng 15.000.000 đồng. Tổng tiền Vàng A T tạm ứng và cho tạm ứng từ nguồn tiền hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách chi sai mục đích là 121.050.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Do tự ý sử dụng nguồn hỗ trợ tiền điện nên việc chi trả tiền hỗ trợ đến các hộ nghèo và hộ chính xã hội của xã N không được thực hiện đúng thời hạn quy định. Tại thời điểm vụ việc được phát hiện ngày 25/12/2018 Ủy ban nhân dân xã N mới thực hiện việc cấp phát tiền hỗ trợ tiền điện cho 4/6 bản với số tiền 131.712.000đồng (Một trăm ba mốt triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng.

Tháng 10 năm 2018 để phục vụ cuộc thanh tra của Thanh tra huyện NP đối với Ủy ban nhân dân xã N và che giấu việc chi sai nguồn tiền điện Vàng A T đã chỉ đạo Lò Thị A là kế toán xã N hoàn thiện danh sách cấp phát tiền hỗ trợ tiền điện quý III năm 2016 và quý I, II năm 2017, khi kiểm tra Ánh phát hiện có một số bản chưa ký nhận nên Ánh báo lại cho T. T chỉ đạo Ánh ký khống vào

danh sách cấp phát tiền hỗ trợ tiền điện của các bản chưa được cấp phát. Ánh thắc mắc tại sao phải ký thì T nói với Ánh là cứ ký đi tiền ở đây chứ có mất đâu mà sợ. Ánh vẫn không ký và cầm danh sách về cất tại phòng làm việc. Tháng 11 năm 2018 T tiếp tục chỉ đạo Ánh ký khống để hoàn thiện danh sách nhưng Ánh đã đưa danh sách cho Vàng A P là thủ quỹ của xã N để P hoàn thiện danh sách chưa được cấp phát tiền hỗ trợ tiền điện. Ánh nói sếp (ý nói T) chỉ đạo ký. P gọi cho T hỏi ý kiến, T bảo cứ ký đi có gì T chịu trách nhiệm. Sau đó Vàng A P đã thực hiện việc ký khống vào danh sách các hộ dân chưa được nhận hỗ trợ tiền điện và chuyển lại cho T để kiểm tra. T chỉ đạo P lập thêm danh sách mới để chuyển cho các bản ký nhận khi cấp phát tiền điện.

Quá trình hoàn trả số tiền chi sai mục đích số tiền hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội cụ thể:

Ngày 30/01/2018 Lê Mạnh C hoàn trả số tiền 6.050.000 đồng.

Ngày 31/12/2018 Giàng A D đã hoàn trả đủ số tiền 25.000.000 đồng, đã tạm ứng 02 lần sau khi đã thanh quyết toán.

Ngày 12/02/2018 Vàng A T trả lại quỹ cho Vàng A P số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 24/8/2018 Vàng A T trả lại quỹ cho Vàng A P số tiền 17.000.000 đồng;

Ngày 07/12/2018 Vàng A T trả lại quỹ cho P số tiền 15.000.000 đồng;

Ngày 10/12/2018 Vàng A T trả lại quỹ cho Vàng A P 20.000.000 đồng;

Ngày 20/12/2018 Vàng A T trả lại quỹ cho Vàng A P 30.000.000 đồng;

Đầu tháng 01 năm 2019 Vàng A T trả lại quỹ cho Vàng A P 10.000.000 đồng, P đã trả lại cho T 4.000.000 đồng do T trả thừa.

Tổng tiền Vàng A T tạm ứng và cho tạm ứng chi sai mục đích đã hoàn trả 121.050.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó bị cáo T hoàn trả 115.000.000 đồng.

Quá trình chi trả tiền hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của UBND xã N như sau:

Ngày 16/3/2018 Vàng A P thủ quỹ xã chi cho Sùng A Dính, trưởng bản N 1 số tiền 42.336.000 đồng.

Ngày 09/4/2018 chi cho Lý Hồng Chu, trưởng bản HL 2 số tiền 30.870.000 đồng và chi cho Tráng A Ca, bí thư chi bộ bản NC 3, số tiền 30.282.000 đồng.

Ngày 13/12/2018 chi cho Vàng A Cháng, Công an viên bản NC 1 số tiền 28.224.000 đồng.

Ngày 18/01/2019 chi cho Vàng A Sì, trưởng bản N 3, số tiền 42.336.000 đồng.

Ngày 29/01/2019 chi cho Sùng A Chúng, trưởng bản NC 1, số tiền 13.671.000 đồng.

Ngày 24/5/2019 chi cho Vàng A L, trưởng bản HL 3, số tiền 18.081.000 đồng và chi thêm số tiền còn thiếu của bản NC 3 cho T A Phừ 2.793.000 đồng.

Tổng số tiền Ủy ban nhân dân xã N đã chi trả cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội tại các bản N 1, N 3, bản HL 2, HL 3, bản NC 1, NC 3 của xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên là 208.593.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Ngày 25/12/2018, 41 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của bản HL 3, xã N đã có đơn kiến nghị tập thể gửi các cơ quan có thẩm quyền huyện NP và tỉnh Điện Biên xem xét, xử lý hành vi lạm dụng nguồn Nhà nước hỗ trợ tiền điện cho nhân dân bản HL 3, xã N, huyện NP sai mục đích của bị cáo Vàng A T.

Vật chứng thu giữ các tài liệu có liên quan đến vu án gồm:

- 01 cuốn sổ tay bìa màu đen kích thước 21 cm x 27 cm (thu giữ của Vàng A P) ;

- 03 tập danh sách các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện quý III năm 2016 và quý I, II năm 2017 gồm 48 tờ giấy (thu giữ của Vàng A P;

Ngày 20/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nới cư trú đối với Vàng A T về hành vi: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSNP ngày 12/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị can Vàng A T về tội " Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Vàng A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NP đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng A T mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý nên không đề nghị xem xét.

Đề nghị miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đại diện của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án Vàng A T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng A T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về sự vắng mặt đại diện của bị hại tại phiên tòa: Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đại diện bị hại có đơn xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị hại theo quy định.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian cuối năm 2017 và năm 2018, Vàng A T với cương vị là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ làm trái quy định của Nhà nước, chỉ đạo các cán bộ xã N thực hiện tạm ứng sử dụng sai mục đích khoản tiền 121.050.000 đồng Nhà nước cấp hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của quý III năm 2016, quý I, II năm 2017. Gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản cho các hộ dân tại các bản N 1, N 3, bản HL 2, HL 3, bản NC 1, NC 3 thuộc xã N, huyện NP.

Khi có quyết định thanh tra của Thanh tra huyện NP, T đã chỉ đạo Lò Thị A và Vàng A P thực hiện hành vi ký khống vào phần ký nhận các hộ chưa được nhận tiền để che giấu việc tạm ứng nguồn tiền hỗ trợ tiền điện chi sai mục đích và chậm chi trả tiền hỗ trợ tiền điện cho nhân dân. Với mục đích dùng tiền hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách trả nợ nhiều khoản chi vượt quá ngân sách được phân bổ, một số khoản chi không thanh toán được và để che giấu việc thanh tra kiểm tra của Ủy ban nhân dân huyện và Thanh tra huyện.

Với cương vị là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên bị cáo T là người có trách nhiệm quản lý, điều hành công việc của Ủy ban nhân dân xã N. Bị cáo có trách nhiệm cùng với các thành viên của Ủy ban nhân dân xã N quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả tài sản, ngân sách Nhà nước được giao theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo và Ủy ban nhân dân xã N có nhiều yếu kém, sai phạm trong việc quản lý chi tiêu ngân sách Nhà nước dẫn đến dư nợ, bị cáo T vì muốn che giấu những sai phạm của bản thân và Ủy ban nhân dân xã N nên đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện

NP. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với bản kết luận điều tra; Biên bản niêm phong vật chứng. Tại phiên tòa có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo đã có hành vi tạm ứng và cho tạm ứng chi sai mục đích là 121.050.000 đồng từ nguồn tiền Nhà nước cấp hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của quý III năm 2016, quý I, II năm 2017. Vì vậy HĐXX kết luận bị cáo Vàng A T phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, gây bức xúc trong nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý Nhà nước tại địa phương. Hành vi của bị cáo lợi dụng vị trí công tác là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, chỉ đạo cấp dưới chi sai mục đích khoản tiền hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của các bản thuộc xã N, huyện NP. Hành vi này của bị cáo T đã đi ngược lại với đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội ở vùng đặc biệt khó khăn, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Ủy ban nhân dân xã N. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Về hậu quả, đã gây thiệt hại quyền lợi về tài sản cho nhân dân bản HL 3 và một số bản khác. Sau khi vụ việc được phát hiện, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, hoàn trả toàn bộ số tiền do bị cáo tạm ứng là 115.000.000 đồng cho Vàng A P nhập quỹ và chi trả đầy đủ cho các hộ thuộc diện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của các bản N 1, N 3, bản HL 2, HL 3, bản NC 1, NC 3 thuộc xã N, huyện NP. Đảng và Nhà nước ta đang tích cực đấu tranh phòng và chống hành vi phạm tội chức vụ, việc xét xử bị cáo nhằm răn đe đối với những người có hành vi lợi dụng chức vụ để tham ô tham nhũng, đi ngược lại với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Bị cáo Vàng A T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh để nhằm giữ vững kỷ cương pháp luật, ngăn chặn và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Vàng A T sinh ra và lớn lên tại huyện Y, tỉnh Lào Cai, được học hết lớp 12/12, năm 2005 đến tháng 6 năm 2008 học chuyên nghiệp tại Trường cao đẳng kinh tế tỉnh Điện Biên. Từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 5 năm 2013 là công chức tư pháp xã Na Cô Sa, huyện NP. Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 02/2016 là công chức xã N, huyện NP. Từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 7 năm 2016 là Phó chủ tịch UBND xã N, huyện NP. Từ tháng 8 năm 2016 đến khi bị bắt bị cáo là chủ tịch UBND xã N, huyện NP, tỉnh Điện Biên. Do tuổi đời còn trẻ chưa có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công việc nên T đã có nhiều sai phạm trong thực hiện quản lý ngân sách, không cân đối được thu chi ngân sách của Ủy ban nhân dân xã N, huyện NP dẫn đến dư nợ. Để che giấu việc làm sai trái của mình, bị cáo đã sử dụng nguồn tiền hỗ trợ tiền

điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của bản HL 3 và một số bản khác thuộc xã N, huyện NP, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây bức xúc trong nhân dân.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chi sai quy định cho UBND xã để tiếp tục chi trả cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của bản HL 3, xã N để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Bị cáo có 03 con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Vàng A P là thủ quỹ của xã N đã có hành vi ký khống danh sách các hộ được hỗ trợ tiền điện của các bản chưa được cấp phát tiền. Quá trình điều tra đã làm rõ anh P làm theo sự chỉ đạo của Vàng A T. Bản thân anh P không có ý thức thực hiện hành vi cố ý làm trái quy định của Thông tư 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện. Quá trình thực hiện việc cấp phát tiền điện P biết rõ hành vi sai phạm củA T nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế không có sự can ngăn và không tố giác hành vi tội phạm củA T. Đối với hành vi ký khống vào danh sách cấp phát tiền điện cho nhân dân để nhằm che giấu việc tạm ứng trái quy định của pháp luật, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản hay gây thiệt hại về tài sản. Vàng A P đã vi phạm về nguyên tắc kế toán ký khống chứng từ kế toán. Tại giai đoạn điều tra do hành vi chưa đến mức xử lý về hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã N xử lý đối với Vàng A P nên HĐXX không cần xem xét.

Đối với Lê Mạnh C và Giàng A D quá trình ứng tiền đã báo cáo với Vàng A T việc ứng tiền để chi một số hoạt động của Ủy ban nhân dân xã. C và D đã được sự nhất trí của Vàng A T nên mới ứng tiền hỗ trợ. C và D đã trả lại số tiền ứng vào quỹ sau khi đã quyết toán được nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Xét đề nghị và luận tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 356/BLHS, xét thấy bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn, hành vi phạm tội không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên cần thiết phải áp dụng cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn từ 01 đến 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án bị cáo Vàng A T đã chi sai mục đích số tiền 121.050.000 đồng Nhà nước cấp hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của quý III năm 2016, quý I, II năm 2017. Sau khi vụ việc được phát hiện bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền trên để chi trả cho nhân dân các bản N 1, N 3, bản HL 2, HL 3, bản NC 1, NC 3 thuộc xã N, huyện NP. Đại diện theo ủy quyền của các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập xem xét phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Vàng A T.

[11] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự ; Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu hồi 15 giờ 05 phút ngày 28/10/2019 của Công an huyện NP trả tài sản cho anh Vàng A P 01 cuốn sổ tay; 03 tập tài liệu thu của Vàng A P gồm 48 tờ giấy đã lưu vào hồ sơ nên không xử lý.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. HĐXX xét thấy gia đình bị cáo Vàng A T là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện bị hại và người có nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng A T 12 *(Mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

[3] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 356 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo Vàng A T đảm nhiệm chức vụ trong 01 năm sau khi chấp hành xong hình phạt chính.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo Vàng A T được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo ;
- Người đại diện của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CQĐT Công an huyện NP;
- Nhà tạm giữ Công an huyện NP;
- CQTHAHS huyện NP;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện NP;
- PC 81 CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện NP;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án; HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vàng Thị Dua